

Số: **386** /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **20** tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL - L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ- CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp đã được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội thông qua ngày 23 tháng 10 năm 2009, tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

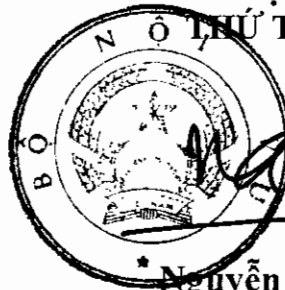
Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. HQ

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Ban Đối ngoại Trung ương;
- Bộ Ngoại giao;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCP.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



*** Nguyễn Tiến Dĩnh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC VIỆT NAM – PHÁP

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số ~~386~~ /QĐ-BNV ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

Hội hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Pháp.

Tên gọi tắt: Hội hữu nghị Việt - Pháp.

Tên giao dịch bằng tiếng Pháp: Assotiation d'Amitié et de Coopération Vietnam – France, AAVF.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội của nhân dân Việt Nam, là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Mục đích hoạt động của Hội là góp phần vào việc tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể thao, du lịch v.v... giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp vì lợi ích của nhân dân mỗi nước, vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Hội hoạt động theo Điều lệ Hội, Điều lệ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và tuân thủ luật pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc, có trụ sở tại Hà Nội, có tài sản, tài khoản riêng, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền, giới thiệu, thông tin với nhân dân Pháp về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hoá và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam, về đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tuyên truyền giới thiệu cho nhân dân Việt Nam về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và chính sách đối ngoại của Cộng hòa Pháp.

3. Tham gia nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị, giải pháp nhằm phát triển mối quan hệ Việt Nam – Pháp.

4. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhân dân, các địa phương, các tổ chức thành viên tiến hành các hoạt động nhằm vun đắp và phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp phù hợp với đường lối đối ngoại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. Xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với Hội Hữu nghị Pháp - Việt, các hội hữu nghị, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội khác của Pháp có lợi ích và mong muốn thiết lập và phát triển quan hệ với Việt Nam thông qua các hoạt động trao đổi đoàn, ấn phẩm, phim ảnh và các hoạt động khác phù hợp với qui định của pháp luật hai nước.

6. Khuyến khích, hỗ trợ, làm cầu nối thúc đẩy phát triển quan hệ hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hoá, thể thao, du lịch giữa các đối tác Việt Nam với các đối tác của Pháp.

7. Xuất bản tạp chí, chuyên san và các ấn phẩm tuyên truyền hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên của Hội

1. Hội viên chính thức gồm tổ chức, công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên và được Ban Thường vụ Hội chấp thuận sẽ được gia nhập Hội. Các tổ chức sẽ trở thành các tổ chức thành viên và các cá nhân sẽ trở thành hội viên của Hội (sau đây gọi chung là hội viên).

2. Hội viên liên kết là những cá nhân, tổ chức của Việt Nam và những cá nhân, tổ chức của người Việt Nam ở Pháp tích cực ủng hộ, phối hợp, hỗ trợ cho công tác của Hội, được Ban Thường vụ Trung ương Hội chấp thuận

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội viên

1. Chấp hành pháp luật nhà nước, rèn luyện đạo đức công dân, thực hiện Điều lệ và các Nghị quyết của Hội.

2. Tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm giữ gìn, phát triển tình hữu nghị và tăng cường mối quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp.

3. Tuyên truyền rộng rãi về Hội trong nhân dân Việt Nam để thu hút hội viên mới, hoạt động góp phần phát triển tổ chức và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

4. Các tổ chức thành viên của Hội hàng năm phải gửi báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của tổ chức mình cho Ban Chấp hành Trung ương Hội để tổng hợp, theo dõi.

5. Đóng hội phí theo quy định.

Điều 7. Quyền của Hội viên

1. Được tham gia ứng cử, đề cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng và biểu quyết thông qua các quyết định, chủ trương và chương trình hoạt động của Hội.

3. Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động nhằm mục đích góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

4. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được Hội thăm hỏi, giúp đỡ khi khó khăn.

5. Được quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 8. Xoá tên và khai trừ hội viên

1. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn gửi Ban Thường vụ Trung ương Hội để xoá tên trong danh sách hội viên.

2. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ và Nghị quyết của Hội hoặc không sinh hoạt Hội trong vòng 2 năm liên tục sẽ bị Ban Thường vụ Hội quyết định khai trừ khỏi Hội và xoá tên trong danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 9. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương, dân chủ và thống nhất hành động, tự nguyện và phi vụ lợi. Tổ chức và hoạt động Hội tuân thủ theo Điều lệ Hội, pháp luật nhà nước.

2. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội được bầu thông qua hiệp thương dân chủ. Nguyên tắc bầu cử và các nghị quyết của Hội được thông qua theo đa số.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Hội.
3. Ban Thường vụ Trung ương Hội.
4. Ban Kiểm tra.
5. Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn.

Điều 11. Đại hội đại biểu

1. Đại hội đại biểu toàn quốc (Đại hội) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ, quyết định phương hướng hoạt động Hội, chương trình công tác nhiệm kỳ tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương Hội, xem xét sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có) và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Trung ương Hội.

Khi có yêu cầu đặc biệt và được hai phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương kiến nghị, Hội có thể triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

2. Các tổ chức thành viên Hội Hữu nghị và hợp tác Việt Nam – Pháp ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bầu đại biểu của mình tham gia Đại hội và ứng cử vào Ban Chấp hành trung ương Hội theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Điều 12. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội (Ban Chấp hành) là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, có nhiệm kỳ 5 năm theo nhiệm kỳ Đại hội. Ban Chấp hành gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Chấp hành họp mỗi năm một lần và có thể họp bất thường hoặc họp mở rộng theo đề nghị của Ban Thường vụ Trung ương Hội để kiểm điểm hoạt động của năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động cho năm sau. Quyết định các chủ trương, biện pháp để thi hành nghị quyết do Đại hội đề ra.

3. Ban Chấp hành bầu và miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành nhưng không quá 1/3 số lượng Ủy viên do Đại hội bầu ra.

Điều 13. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội (Ban Thường vụ) gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên do Ban chấp hành bầu ra. Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ không quá 1/3 số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ họp định kỳ 6 tháng một lần, có thể họp bất thường hoặc họp mở rộng theo triệu tập của Chủ tịch Hội.

2. Ban Thường vụ có nhiệm vụ:

a) Phân công công việc cho các Ủy viên Ban Chấp hành, phê duyệt chương trình hành động toàn khoá và các chương trình công tác năm của Hội, quyết định chủ trương và biện pháp công tác của Hội, chỉ đạo Ban Thư ký chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị Ban Chấp hành.

b) Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội và các nghị quyết của Ban Chấp hành. Xây dựng quy chế công tác của Ban Chấp hành quy định về trách nhiệm, lề lối làm việc, chế độ sinh hoạt hội họp, báo cáo của Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và Ban Thư ký Hội; lề lối làm việc và sự phối hợp công tác giữa Trung ương Hội và các tổ chức thành viên.

c) Theo dõi, tổ chức công tác phát triển tổ chức Hội, mở rộng mạng lưới cộng tác viên của Hội.

d) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong Hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hội viên khi bị xâm phạm; giải quyết những vấn đề khó khăn của cá nhân hay tổ chức thành viên trong việc thực hiện Điều lệ Hội.

e) Quyết định khen thưởng, kỷ luật và xoá tên hội viên trong danh sách hội viên của Hội.

Điều 14. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra, gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện, chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội, các hoạt động của Ban Chấp hành;

b) Kiểm tra về tài chính của Hội;

c) Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp trong Hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng của Hội viên khi bị xâm phạm; giải quyết những vấn đề khó khăn của cá nhân hay tổ chức thành viên trong việc thực hiện Điều lệ này;

d). Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố (nếu có);

e) Kiến nghị các hình thức khen thưởng và kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chủ tịch Hội

Chủ tịch Hội là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

1. Lãnh đạo, quản lý mọi hoạt động của Hội; chủ trì các Hội nghị Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Trung ương Hội; trực tiếp phụ trách công tác tổ chức, nhân sự và công tác địa phương của Hội;

2. Thay mặt Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Trung ương phối hợp với các cơ quan quản lý ngành thực hiện các hoạt động trong quan hệ đối nội, đối ngoại của Hội.

Điều 16. Phó Chủ tịch

Phó Chủ tịch giúp việc Chủ tịch, được Chủ tịch phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác, giải quyết các vấn đề cụ thể và được uỷ quyền điều hành công việc của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Trung ương Hội theo phân công của Chủ tịch Hội.

Điều 17. Các Tiểu ban chuyên môn

1. Các Tiểu ban chuyên môn được thành lập theo yêu cầu công tác của Hội, do Ban Thường vụ quyết định và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho các Tiểu ban này, gồm 5 Tiểu ban sau:

- a) Tiểu ban Tổ chức, Nhân sự và Công tác địa phương;
- b) Tiểu ban Chính trị - Đối ngoại;
- c) Tiểu ban Kinh tế - Tài chính;
- d) Tiểu ban Khoa học - Công nghệ;
- e) Tiểu ban Thông tin - Tuyên truyền;
- g) Tiểu ban Văn hoá - Giáo dục.

2. Nhiệm vụ của các Trưởng Tiểu ban chuyên môn

a) Các Trưởng Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm xây dựng chương trình công tác năm và toàn nhiệm kỳ cho lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Xây dựng đề án công tác (bao gồm tổ chức lực lượng chuyên trách và mạng lưới cộng tác viên, các trọng tâm ưu tiên và lộ trình thực hiện đề án) báo cáo Ban Thường vụ cho ý kiến phê duyệt; tổ chức việc triển khai thực hiện.

Điều 18. Ban Thư ký

Ban Thư ký do Ban Thường vụ Hội cử, gồm Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký và các Thư ký, có trách nhiệm:

1. Giúp Ban Chấp hành Trung ương tổng hợp, xây dựng chương trình hành động toàn khoá và các chương trình công tác năm của Hội trên cơ sở chương trình công tác của các Tiểu ban,

2. Giúp Ban Thường vụ Trung ương Hội chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập đại biểu các kỳ họp.

3. Tổ chức công việc hàng ngày nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Trung ương Hội.

4. Theo dõi, giúp đỡ các tổ chức thành viên, hội viên trong triển khai hoạt động.

5. Làm cầu nối duy trì quan hệ giữa lãnh đạo Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam với lãnh đạo Hội, thực hiện trao đổi thông tin giữa Hội Trung ương với Hội thành viên và hội viên.

6. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

7. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ trong việc điều hành công việc hàng ngày của Ban Thư ký.

8. Phó Tổng Thư ký và các Thư ký giúp việc Tổng Thư ký, phụ trách từng lĩnh vực công tác và giải quyết các vấn đề cụ thể theo sự phân công điều hành của Tổng Thư ký.

Điều 19. Chế độ trách nhiệm và phối hợp công tác trong Hội

1. Trung ương Hội điều phối, hướng dẫn, hỗ trợ các Hội thành viên về tổ chức và hoạt động.

2. Ban Chấp hành các tổ chức Hội thành viên căn cứ vào những điều khoản quy định trong Điều lệ này và các nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Trung ương Hội để làm cơ sở đề xuất nội dung hoạt động của tổ chức mình.

3. Các Hội thành viên chủ động trong hoạt động theo đúng Điều lệ Hội và nghị quyết của Trung ương Hội, định kỳ 6 tháng và 1 năm báo cáo công tác cho Trung ương Hội.

Chương V TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 20. Nguồn thu

1. Hỗ trợ của Nhà nước thông qua Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Hội phí do các tổ chức thành viên, hội viên đóng góp hàng năm theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

3. Các khoản tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 21. Quản lý và sử dụng tài sản, tài chính

1. Tài chính của Hội do Ban Thư ký của Hội chịu trách nhiệm quản lý theo quy định về quản lý tài chính của nhà nước và chỉ cho hoạt động của Hội theo quy chế do Ban Thường vụ Trung ương Hội quy định.

2. Việc sử dụng tài sản, tài chính, lập dự toán chi tiêu, chế độ báo cáo tài chính của Hội được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Quy chế quản lý Tài chính của Hội.

Chương VI GIẢI THỂ HỘI, THANH QUYẾT TOÁN TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 22. Hội giải thể trong các trường hợp

1. Kết thúc nhiệm kỳ Đại hội và không tiếp tục tổ chức Đại hội nhiệm kỳ tiếp theo.
2. Theo quyết định của Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên của Hội.
3. Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Tài sản, tài chính của Hội khi giải thể được thực hiện theo qui định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức thành viên, đơn vị trực thuộc Hội có nhiều thành tích đóng góp vào việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và các nhiệm vụ của Hội sẽ được Hội biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Nhà nước biểu dương khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Kỷ luật

Các tổ chức thành viên và hội viên của Hội vi phạm Điều lệ Hội thì Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét ra quyết định kỷ luật hoặc xóa tên trong danh sách Hội. Tổ chức thành viên và cá nhân bị kỷ luật hoặc xóa tên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên của Hội là cơ quan duy nhất có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị và hợp tác Việt – Pháp gồm 8 chương, 26 điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ 2009-2014 của Hội thông qua tại Hà Nội ngày 23/10/2009 và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Ban Thường vụ Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức thành viên, hội viên của Hội thực hiện Điều lệ này. / Hồ